TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO THẮNG** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST
Ngày 22-4-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Liên.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Thu Hương.
2. Ông Lê Xuân Cương.

Thư ký phiên toà: Ông Phan Quốc Vương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Ngày 22 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 03 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H - Sinh năm: 1995;
Địa chỉ: Tổ dân phố số A, thị trấn T, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt.
2. Bị đơn: Anh L - Sinh năm: 1987;
Địa chỉ: Tổ dân phố số A, thị trấn T, huyện B, tỉnh Lào Cai; Nơi làm việc hiện nay: Công ty TNHH K (Địa chỉ: Khu công nghiệp T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Lào Cai) - Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/3/2022 và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị H trình bầy:

Chị và anh L kết hôn ngày 18/3/2014 tại UBND thị trấn T, huyện B, tỉnh Lào Cai. Anh, chị kết hôn tự nguyện, chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không có con chung, tính cách không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống chung không hòa thuận, hạnh phúc. Anh, chị đã sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay không quan tâm

đến nhau. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị ly hôn.

Tại bản tự khai ngày 24/3/2022, anh L trình bầy: Anh và chị Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn ngày 18/3/2014 tại UBND thị trấn T, huyện B, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không có con chung, sau khi nhận con nuôi thì con nuôi bị bệnh tật nên vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi nhau, cuộc sống không hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên anh mong muốn vợ chồng khắc phục mâu thuẫn, đoàn tụ gia đình. Trường hợp chị H kiên quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, anh không có ý kiến gì khác.

Về con: Chị H và anh L đều xác định, quá trình chung sống anh chị không có con chung, anh chị có nhận nuôi con nuôi hợp pháp là cháu Nguyễn Trung Hiếu – Sinh ngày: 03/11/2016, hiện tại cháu bị khuyết tật vận động, mức độ khuyết tật nặng. Chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Hiếu sau khi ly hôn và yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi cháu Hiếu là 2.000.000đồng/tháng. Anh L cũng có ý kiến, trường hợp Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì anh nhất trí để chị L nuôi dưỡng cháu Hiếu, anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Hiếu 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chị H và anh L đều có ý kiến tự thỏa thuận chia tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Các đương sự đều xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai các tài liệu, chứng cứ, tuy nhiên không hòa giải được vụ án vì vắng mặt bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện xin ly hôn với anh L và đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng chăm sóc con nuôi hợp pháp sau khi ly hôn. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thị trấn Tằng Loỏng, huyện Bảo Thắng. Vì vậy đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh L là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do không có con chung, tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, hay cãi nhau, cuộc sống sống không hòa thuận, hạnh phúc. Chị H và anh L đã sống ly thân từ năm 2020, không quan tâm đến nhau. Việc anh, chị có mâu thuẫn và sống ly thân đã được địa phương xác nhận là đúng sự thật. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và mục đích hôn nhân không đạt được.Vì vậy việc chị H xin ly hôn với anh L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định của pháp luật nhưng không hòa giải được vụ án do vắng mặt bị đơn. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về con: Chị H và anh L đều xác định, quá trình chung sống anh chị không có con chung, anh chị có nhận nuôi con nuôi hợp pháp là cháu Nguyễn Trung H – Sinh ngày: 03/11/2016, hiện tại cháu Hiếu bị khuyết tật vận động, mức độ khuyết tật nặng (Giấy xác nhận khuyết tật số 1086029080059 ngày 23/8/2018). Chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Hiếu sau khi ly hôn và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi cháu Hiếu là 2.000.000đồng/tháng. Anh L cũng nhất trí để chị L nuôi dưỡng cháu Hiếu và nhất trí cấp dưỡng tiền nuôi cháu Hiếu là 2.000.000 đồng/tháng. Hiện anh là công nhân đang làm việc tại Công ty TNHH K, mức lương hàng tháng đảm bảo điều kiện cấp dưỡng.

Vì vậy cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Trung H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi người được nuôi dưỡng hoặc người phải nuôi dưỡng chết; Anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Nguyễn Trung Hiếu là 2.000.000đồng/tháng cho đến khi người phải cấp dưỡng hoặc người được cấp dưỡng chết là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận chia tài sản chung, các đương sự không nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn và anh L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh L.

2. Về con: Xử giao con nuôi hợp pháp là cháu Nguyễn Trung H - Sinh ngày: 03/11/2016 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi người phải nuôi dưỡng hoặc người được nuôi dưỡng chết. Anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Nguyễn Trung H số tiền 2.000.000đồng/tháng cho đến khi người được cấp dưỡng hoặc người phải cấp dưỡng chết (cháu Hiếu bị khuyết tật vận động, mức độ khuyết tật nặng - Giấy xác nhận khuyết tật số 1086029080059 ngày 23/8/2018).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Sau khi ly hôn anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con nuôi hợp pháp mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002873 ngày 17/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai; Chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Thắng (2);
- THADS huyện Bảo Thắng;
- UBND TT Tằng Loỏng;
- Đương sự (02);
- Lưu HS, TA, VP .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoàng Liên